

Phần I: đặt vấn đề

1. Tên đề tài:

Sử dụng đồ dùng dạy học tự tạo trong giảng dạy bộ môn Ngữ văn 7(Phần Tiếng Việt).

2. Lý do chọn đề tài:

2.1. Cơ sở lý luận:

Trong những năm gần đây, vấn đề dạy học theo phương pháp đổi mới đã và đang được thực hiện một cách đồng bộ ở các cấp học, các môn học. Nằm trong hệ thống các môn văn hoá cơ bản của cấp học THCS, bộ môn Ngữ văn cũng đã đặt ra những yêu cầu cấp thiết về việc đổi mới phương pháp Giáo dục theo hướng “Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh” (*Luật Giáo dục u điều 24*).

Để thực hiện tốt phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm, bên cạnh việc đổi mới một số biện pháp giảng dạy (như cách vào bài, cách đặt câu hỏi, cách kiểm tra, đánh giá...) thì việc sử dụng hợp lý các phương tiện, đồ dùng dạy học cũng rất quan trọng. Giá trị lớn nhất của việc sử dụng hợp lý đó là sự tác động tích cực của chúng đến các giác quan của học sinh, đặc biệt là thị giác và thính giác. Những đồ dùng, phương tiện ấy được xem như một nguồn thông tin dẫn học sinh đến những tri thức mới. Điều này càng khẳng định cần thiết có sự hỗ trợ của các đồ dùng dạy học trong các giờ học, tránh dạy chay, dạy theo kiểu truyền đạt thông tin một chiều (Kiến thức ? Giáo viên ? Học sinh).

2.2. Cơ sở thực tiễn:

Nằm trong sự đổi mới chung đó, Bộ môn Ngữ văn nói chung và phần Tiếng Việt nói riêng rất cần có một hệ thống phương tiện giảng dạy chuyên dụng. Tuy nhiên trên thực tế hiện nay, các phương tiện, đồ dùng của Phòng Thiết bị nhà trường phục vụ cho bộ môn này quá ít ỏi, đặc biệt đồ dùng giảng dạy phần Tiếng Việt hầu như không có gì. Đây là vấn đề khó khăn lớn đối với mọi giáo viên khi lên lớp mà không muốn dạy chay.

Vậy đồ dùng giảng dạy phần Tiếng Việt có thể bao gồm những gì? Trước hết đó là hệ thống bảng phụ (ghi câu hỏi trắc nghiệm kiểm tra bài cũ, hệ thống ví dụ, các phần ghi nhớ, hệ thống bài tập, câu hỏi củng cố...) và các bảng nhóm (ghi câu hỏi thảo luận nhóm). Ngoài ra, có thể có các biểu bảng so sánh các kiến thức đã học với kiến thức bài học.

Vấn đề đặt ra là: Nếu các đồ dùng đó không có sẵn thì người giáo viên phải làm như thế nào? Máy chiếu là một phương tiện giảng dạy rất hữu hiệu nhưng không phải trường nào cũng có điều kiện trang bị đầy đủ cho mọi lớp trong tất cả các giờ học được. Do đó điều đầu tiên người giáo viên dạy môn Ngữ văn cần xác định đó là tự mình làm các đồ dùng để phục vụ cho các tiết dạy trên lớp.

Đây chính là lý do mà tôi chọn đề tài: "Sử dụng đồ dùng dạy học tự tạo trong giảng dạy bộ môn Ngữ văn 7 (Phần Tiếng Việt).

3. Phạm vi thực hiện đề tài:

Lớp dạy: Lớp 7A, 7D

Trường THCS Sơn Đông ư Sơn Tây ư Hà Tây

Năm học 2005 ư 2006 và 2006 ư 2007

Phần II: Nội dung đề tài, giải pháp thực hiện 1. Khảo sát thực

trạng:

Ngay từ những tiết dạy Tiếng Việt đầu năm học 2006 ư 2007, tôi đã bắt đầu thực hiện đề tài này. Do vậy, tôi đã tiến hành khảo sát ngay từ tiết 3 (bài "Từ ghép") bằng cách:

Lớp 7A: Sử dụng hệ thống bảng phụ

Lớp 7D: Không sử dụng hệ thống bảng phụ.

Kết quả:

Lớp 7A	Lớp 7D
ư Học sinh nhận biết các đơn vị ngôn ngữ rất nhanh bằng cách gạch chân trong các ví dụ trên bảng phụ ư Học sinh không mất thời gian chép lại bảng phân loại lên bảng chính, do đó dành nhiều thời gian vào giải quyết các bài tập khác. ư Với bài tập điền từ, các em chỉ cần cầm bút ghi lên bảng phụ các từ cần điền mà không cần ghi lại tất cả các từ ngữ khác. Nên số lượng bài tập trong SGK được giải hết.	ư Học sinh tìm các đơn vị ngôn ngữ khá chậm. Thậm chí có những học sinh còn không tìm được các ví dụ trong SGK. ư Học sinh mất rất nhiều thời gian cho việc ghi lại các yêu cầu và hệ thống ngữ liệu của bài tập lên bảng chính. ư Số lượng bài tập chỉ làm được một nửa so với yêu cầu.

2. Biện pháp thực hiện:

Ngay sau tiết học khảo sát ấy, tôi đã xác định phải cố gắng làm các đồ dùng phục vụ cho các tiết dạy Ngữ văn nói chung.

Ví dụ:

Với các tiết học phần văn bản: Tôi cố gắng sưu tầm những tranh ảnh có liên quan đến văn bản, làm các bảng phụ phần kiểm tra bài cũ, phần tổng kết, phần luyện tập,

phần củng cố.

Với các tiết Tập làm văn: bảng phụ trích dẫn ví dụ, bảng yêu cầu nêu nhận xét, bảng ghi nhớ, bảng so sánh với một số thể loại đã học.

3

Đặc biệt với các bài dạy Tiếng Việt, tôi càng cố gắng tự làm các đồ dùng trước mỗi tiết dạy. Ví dụ: Khi dạy bài “Từ láy” tôi đã chuẩn bị các đồ dùng sau:

ưBảng phụ 1 (Câu hỏi kiểm tra bài cũ “Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người”)

ư Bảng phụ 2 (Ví dụ các loại từ láy + Ghi nhớ 1)

ư Bảng phụ 3 (Ví dụ nghĩa của các từ láy theo khuôn vần + Ghi nhớ 2) ư

Bảng phụ 4 (Ghi các tiếng gốc để tạo thành từ láy + Bài tập 1, bài tập 2) ư

Bảng phụ 5 (Ghi các câu làm ngữ liệu để tạo từ láy + Bài tập 3, bài tập 4)

ư Bảng phụ 6 (Bảng so sánh: Từ đơn ư từ ghép ư từ láy)

ư Bảng nhóm

Chỉ nhìn qua cũng có thể thấy rằng: Đồ dùng chủ yếu của dạy Tiếng Việt là hệ thống bảng phụ nhưng không phải là một bảng mà thậm chí tới 6 ư 7 bảng. Vậy vấn đề đặt ra là làm sao có thể có hệ thống bảng phụ như mong muốn mà vừa không tốn kém (cả về vật chất, cả về thời gian) lại vừa có thể sử dụng cho năm sau? Đây cũng là vấn đề khiến tôi phải suy nghĩ, tìm tòi, học hỏi và rút ra những kinh nghiệm cho bản thân sau mỗi lần tự làm đồ dùng cho tiết dạy của mình như sau:

a) Về chất liệu: Có nhiều chất liệu có thể sử dụng để làm đồ dùng này:

ư Giấy Trôki: Đây là loại chất liệu khá phổ biến vì dễ cuốn gọn gàng, dễ vận chuyển, lại có khổ to nhỏ tùy ý theo dung lượng chữ viết (từ A₄ đến A₀). ư Bìa lịch cũ: Chúng ta có thể sử dụng lại các bìa lịch của năm cũ (phần mặt sau) để làm bảng phụ rất thuận tiện.

ư Bảng nhựa mềm: đây là loại bảng có thể cuộn lại dễ dàng và viết bằng phấn. Dùng xong có thể xóa bằng giẻ lau bảng bình thường.

b) Về bút viết: Có thể dùng bút dạ bảng, phấn viết hoặc in trên máy vi tính đều được.

c) Về việc sử dụng trên lớp:

ư Với bảng nhựa mềm: Làm dây treo bên cạnh bảng chính.

ư Với giấy Trôki hoặc bìa lịch: Dùng nam châm dán lên bảng

từ. **d) Về việc tái sử dụng:**

ư Nếu dùng bảng nhựa (viết phấn) dùng xong xóa sạch để lần sau viết lại.

ư Nếu dùng giấy Trôki hoặc bìa lịch: Khi dán lên bảng nên dùng 1 đến 2 tờ giấy mika trong (khổ A₄ và A₃) hoặc giấy bóng kính trong dán lên chỗ cần viết. Dùng bút dạ bảng viết lên tờ giấy đó sẽ giống như viết lên bảng nhưng dễ dàng xóa được bằng giấy mềm hoặc giẻ khô. Như vậy, những bảng phụ ấy sẽ còn dùng được cho những lần sau.

Để minh họa cho đề tài này, sau đây tôi xin soạn giáo án một tiết dạy Tiếng Việt có sử dụng đồ dùng dạy học tự tạo đồng thời là hệ thống các bảng phụ mà tôi đã sử dụng trong tiết dạy đó.

Tiết 102

dùng cụm chủ vị để mở rộng câu

I. mục tiêu cần đạt:

Giúp học sinh:

ư Hiểu được thế nào là dùng cụm chủ vị để mở rộng câu (tức là dùng cụm chủ – vị để làm các thành phần của câu hoặc của cụm từ).

ư Nắm được các trường hợp dùng cụm chủ – vị để mở rộng câu.

II. chuẩn bị:

ư Giáo viên : Soạn giáo án + Chuẩn bị tư liệu + Hệ thống bảng

phụ. ư Học sinh : Chuẩn bị theo hệ thống câu hỏi (SGK).

III. tổ chức hoạt động:

Aur ổn định tổ chức (Kiểm tra sĩ số)

Bư Kiểm tra bài cũ (Bảng phụ 1)

Chọn đáp án đúng cho câu hỏi sau : Yếu tố nào không có trong văn bản nghị luận? (A)ư Luận điểm.

(B) ư Luận cứ.

(C)ư Cốt truyện.

(D)ư Các kiểu lập luận.

(Đáp án C)

Cư Bài mới:

1. Giới thiệu bài

? Qua nhiều lần đặt câu, viết đoạn, em hiểu thế nào là một cụm chủ vị?

(Cụm chủ vị là một kết cấu ngữ pháp, dùng để phân biệt với những dạng kết cấu khác như cụm chính phụ, cụm đẳng lập. Cụm chủ vị là cơ sở để xây dựng một câu đơn có cấu tạo hai thành phần: chủ ngữ và vị ngữ. Tuy nhiên, khái niệm cụm chủ vị có đồng nhất với khái niệm câu không? Thế nào là dùng cụm chủ vị để mở rộng câu? Những trường hợp nào có thể dùng cụm chủ vị để mở rộng câu? Đó chính là nội dung bài học ngày hôm nay)

2. Giảng bài:

(Giáo viên treo bảng phụ 2)

? Đọc ví dụ trên bảng phụ cho biết câu văn đó trích trong văn bản nào?

? Xác định chủ ngữ vị ngữ của câu văn đó?

? Em hiểu thế nào là một cụm danh từ?

? Cho biết cấu tạo chung của cụm danh từ?

? Tìm cụm danh từ có trong ví dụ trên. Xác định cấu tạo của những cụm danh từ đó?

? Phân tích cấu tạo của phần phụ ngữ trong những cụm danh từ đã tìm được?

? Nếu thay những cụm chủ vị (*ta không có, ta sẵn có*) bằng các chỉ từ (*này, khác*) thì ý nghĩa của câu văn trên sẽ nh thế nào?

? Theo em hai cụm chủ vị trong các cụm danh từ trên có phải là chủ ngữ vị ngữ của câu văn đó không?

(Gọi một học sinh đọc Ghi nhớ trên bảng phụ 2)

(Giáo viên treo bảng phụ 3 và cho học sinh thảo luận nhóm)

? Tìm cụm chủ vị làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ có trong mỗi câu trên bảng phụ?

? Cho biết trong mỗi câu trên, cụm chủ vị được dùng mở rộng cho thành phần nào?

I. Thế nào là dùng cụm chủ vị để mở rộng câu?

1. Ví dụ (SGK)

P.Phụ

P.Trung

tâm P.Phụ sau

trước

những tình cảm ta không có (này) C V

những tình cảm ta sẵn có (khác) C V

2. Nhận xét:

ư Phụ ngữ (*ta không có, ta sẵn có*) của cụm danh từ là một cụm chủ vị.

ư Các cụm chủ vị trên không đồng nhất với chủ ngữ và vị ngữ của câu.

3. Ghi nhớ 1:

(SGKtr trang 68)

II. Các trường hợp dùng cụm chủ vị để mở rộng câu

1. Ví dụ (SGK)

a) Chi Ba đến / khiến tôi rất vui

C V C V

CN VN

(cụm cừv làm CN) (cụm cừv làm PN cho ĐT)

(Các nhóm thảo luận rồi ghi vào bảng nhóm. Giáo viên tập hợp kết quả rồi so sánh)

? Qua các ví dụ trên, em thấy những thành phần nào có thể dùng cụm chủ vị để mở rộng?

? Như vậy, việc dùng cụm chủ vị để mở rộng câu nghĩa là gì?

(Gọi một học sinh đọc Ghi nhớ trên bảng phụ 3)

(Giáo viên treo bảng phụ 4)

? Tìm cụm chủ vị làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ trong các câu trên bảng phụ?

b) ... nhân dân ta / tinh thần rất hăng hái C V

CN VN

(cụm cuv làm VN) c) Chúng ta / có thể nói rằng trời sinh lá sen CN VN C để bao bọc cốm cũng như trời sinh cốm V C nằm ủ trong lá sen

V

(cụm cuv làm PN cho ĐT)

d) ... từ ngày CM tháng Tám thành công C V (cụm cuv làm PN cho DT)

2. Nhận xét:

Những trường hợp dùng cụm chủ vị để mở rộng câu là: thành phần câu (CNur VN), thành phần cụm từ (PN của DT và ĐT)

(Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu tức là dùng cụm chủ vị làm thành phần trong câu hoặc thành phần của cụm từ)

3. Ghi nhớ 2:

(SGKtr trang 69)

III. Luyện tập

Bài tập (SGKtr trang 69)

a) Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về

(cụm cuv làm PN cho DT)

b) Trung đội trưởng Bính khuôn mặt đầy đặn (cụm cuv làm VN)

? Cho biết trong mỗi câu cụm chủ vị làm thành phần gì? (Giáo viên treo bảng phụ 5 và các bảng nhóm rồi yêu cầu các nhóm thảo luận) ? Tìm các cụm chủ vị thích hợp để mở rộng cho các thành phần trong câu hoặc trong các cụm từ được gạch chân trong bảng phụ. ? Hãy cho biết các cụm chủ vị đó dùng để mở rộng cho những thành phần nào?	c) Khi <u>các cô gái Vòng đồ gánh</u> (cụm cừv làm PN cho DT) <u>từng lá côm sạch sẽ và tinh khiết không có</u> <u>mấy may một chút bụi nào</u> (cụm cừv làm PN cho DT) d) <u>một bàn tay đập vào vai</u> (cụm cừv làm CN) khiến <u>hắn giât mình</u> (cụm cừv làm PN cho DT) Bài tập bổ sung a) <u>Quyển sách này</u> rất hay ? Quyển sách mẹ mới mua (cụm cừv làm PN cho DT) b) Chúng tôi <u>tin điều đó</u> ? ... tin là bạn ấy sẽ đến (cụm cừv làm PN cho DT) c) <u>Nam</u> làm cho bố mẹ vui lòng ? Nam học giỏi (cụm cừv làm CN) d) <u>Con mèo</u> làm đổ lọ hoa ? Con mèo nhẩy (cụm cừv làm CN) e) Tôi rất thích <u>chiếc cặp này</u> ? chiếc cặp anh trai tôi tặng (cụm cừv làm PN cho DT)
---	---

Dư Củng cố (bảng phụ 6)

Chọn đáp án đúng cho nhận xét sau: Khái niệm cụm chủ vị không đồng nhất với chủ ngữ và vị ngữ của câu.

(A)ư Đúng (B)ư Sai

(Đáp án A)

Ưư Hướng dẫn học ở nhà:

ư Học theo phần Ghi nhớ

ư Viết đoạn văn có cụm chủ vị để mở rộng câu

ư Chuẩn bị giờ sau: Trả bài kiểm tra (Bài viết Tập làm văn số 5, bài kiểm tra

Tiếng Việt, bài kiểm tra Văn)

(Sau đây là hệ thống bảng phụ được sử dụng cho tiết dạy)

8

Bảng phụ1

Câu hỏi kiểm tra bài cũ: “ *Ôn tập văn nghị luận*”

Chọn đáp án đúng cho câu hỏi sau: Yếu tố nào không có trong văn bản nghị

luận? (A)ư Luận điểm

(B)ư Luận cứ

(C)ư Cốt truyện

(D)ư Các kiểu lập luận

Bảng phụ 2

Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu

Iư Thế nào là dùng cụm chủ vị để mở rộng câu?

1. Ví dụ: Tìm các cụm danh từ có trong câu sau:

Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có...

(Hoài Thanh)

2. Cấu tạo của các cụm danh từ

Phần phụ trước Phần trung tâm Phần phụ sau

3. Ghi nhớ:

Khi nói hoặc viết, có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường gọi là cụm chủ vị làm thành phần của câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.

II. Các trường hợp dùng cụm chủ vị để mở rộng câu

1. Ví dụ: Tìm cụm chủ vị làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ trong các câu sau. Cho biết trong mỗi câu cụm chủ vị làm thành phần gì?

- a) Chị Ba đến khiến tôi rất vui và vững tâm.
- b) Khi bắt đầu kháng chiến, nhân dân ta tinh thần rất hăng hái.
- c) Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen.
- d) Nói cho đúng thì phẩm giá của Tiếng Việt chỉ mới thật sự được xác định và đảm bảo từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công.

2. Nhận xét

3. Ghi nhớ:

Các thành phần câu như chủ ngữ, vị ngữ và các phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ đều có thể được cấu tạo bằng cụm chủ vị.

Bảng phụ 4

III. Luyện tập

Bài tập:

Tìm cụm chủ vị làm thành phần câu hoặc cụm từ trong các câu sau. Cho biết trong mỗi câu cụm chủ vị làm thành phần gì?

- a) Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về.
- b) Trung đội trưởng Bính khuôn mặt đầy đặn.
- c) Khi các cô gái Vòng đỡ gánh, giỏ từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào.
- d) Bỗng một bàn tay đập vào vai khiến hấn giật mình.

Bảng phụ 5

Bài tập bổ sung:

Tìm các cụm chủ vị thích hợp để mở rộng các thành phần trong câu hoặc trong các cụm từ được gạch chân dưới đây. Cho biết trong mỗi câu, các cụm chủ vị đó được dùng để mở rộng cho thành phần nào?

- a) Quyển sách này rất hay
- b) Chúng tôi tin điều đó
- c) Nam làm cho bố mẹ vui lòng
- d) Con mèo làm đổ lọ hoa
- e) Tôi rất thích chiếc cặp này

Bảng phụ 6

Bài tập củng cố:

Chọn đáp án đúng cho nhận xét sau:

Khái niệm cụm chủ vị không đồng nhất với chủ ngữ và vị ngữ của câu. (A)ư Đúng (B)ư Sai

3. Kết quả thực hiện có so sánh đối chứng:

Sau tiết học này, qua so sánh, đối chứng lại kết quả khảo sát đầu năm ở lớp 7D tôi

nhận thấy:

ư Phần lớn học sinh trong lớp đã dễ dàng nhận biết được các đơn vị ngôn ngữ trong bảng phụ.

ư Học sinh không mất nhiều thời gian ghi lại các yêu cầu bài tập do đó các em làm được nhiều bài tập hơn.

ư Điều quan trọng hơn cả là qua việc nhìn ư nghe ư viết trên bảng phụ khiến các em hiểu bài hơn, nhớ kiến thức kĩ hơn, có khả năng vận dụng những kiến thức đó trong việc tạo lập các văn bản (phần Tập làm văn) và củng cố lại những kiến thức về các văn bản có chứa các ví dụ đó.

Kết quả thu được như sau:

<i>Lớp</i>	<i>Sĩ số</i>	<i>HS hiểu bài tốt</i>	<i>HS hiểu bài</i>	<i>HS không hiểu bài</i>	<i>Số lượng BT đã làm</i>
7D	44	18	20	6	BTư SGK: 1 BT bổ sung: 1

Phần III: Những bài học kinh nghiệm

1. Tính giáo dục

Qua việc thực hiện đề tài trên trong năm học vừa qua, tôi thấy rằng nếu giáo viên thường xuyên có ý thức làm và sử dụng các phương tiện giảng dạy phù hợp với bộ môn sẽ đem lại hiệu quả giáo dục cao không chỉ đối với giáo viên mà còn đối với cả học sinh.

a) Đối với giáo viên

ư Bằng việc chuẩn bị đồ dùng trước giờ dạy giúp giáo viên khắc sâu kiến thức cần dạy, mở rộng, liên hệ, tích hợp với các bộ môn khác hoặc các phần văn bản và Tập làm văn của bộ môn Ngữ văn.

ư Giáo viên không phải vất vả viết bảng chính như trước kia (bảng chính chỉ cần ghi những đề mục lớn).

ư Giáo viên phát huy được vai trò chủ đạo của mình trong việc hướng dẫn học sinh lĩnh hội kiến thức và vận dụng kiến thức đó vào thực tế.

b) Đối với học sinh:

ư Thay cho việc chỉ sử dụng SGK là duy nhất, nay học sinh chỉ sử dụng những phương tiện có tác dụng tốt trong việc tạo hứng thú học tập cho học sinh: Các em được nhìn ư nghe ư nói ư viết ngay trên bảng phụ, được thảo luận trong nhóm học tập

của mình, được đưa ra ý kiến, được rèn luyện các kĩ năng nói và viết của bản thân.

Điều đó giúp các em phát huy tối đa vai trò chủ động của mình trong giờ học.

ư Ngoài việc học sinh được sử dụng đồ dùng với giáo viên, các em có thể tự tạo ra những biểu bảng khác dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là việc học sinh hoàn toàn có thể làm được.

2. Tính thực tiễn và giá trị phổ biến:

Như trên tôi đã trình bày, việc sử dụng đồ dùng dạy học tự tạo không chỉ đối với môn Ngữ văn mà tất cả các môn học khác đều có thể sử dụng được. Tôi nghĩ điều đó hoàn toàn khả thi trong từng tiết dạy của từng bộ môn bởi lẽ:

ư Phương pháp giáo dục "Lấy học sinh làm trung tâm" coi thiết bị dạy học như một nguồn thông tin dẫn học sinh tự tìm tòi để tiếp cận và vận dụng những tri thức mới vào thực tiễn.

ư Việc tự tạo đồ dùng giảng dạy đối với những môn học không có sẵn thiết bị là điều cần thiết và cũng không tốn kém. Đồng thời có thể tái sử dụng cho những năm sau.

3. Đề xuất ý kiến:

ư Đề nghị Nhà trường và Phòng Giáo dục lưu lại những kinh nghiệm hay và thiết thực, có tính khả thi cao để phổ biến rộng rãi, giúp giáo viên có điều kiện tham khảo, học tập và vận dụng trong giảng dạy hằng ngày.

ư Đề nghị Phòng Thiết bị có kế hoạch lưu giữ những đồ dùng giảng dạy do giáo viên tự tạo để sử dụng cho năm học sau.

phần IV:kết luận

Như vậy có thể coi việc sử dụng các đồ dùng giảng dạy là một trong những biện pháp hiệu quả trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy giờ học Ngữ văn. Việc sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, phù hợp với nội dung bài dạy sẽ góp phần kích thích hứng thú học tập của học sinh. Các em sẽ tích cực hơn, thích phát biểu bài, theo dõi bài, chăm chú hơn, ghi chép cẩn thận hơn vì có những mẫu quan sát trực quan. Các giáo viên hoàn toàn có khả năng tự làm được các đồ dùng phục vụ giảng dạy trên giấy Trôki, bìa cứng, bảng viết.... mà không cần phải sử dụng những phương tiện giảng dạy hiện đại tốn kém. Vấn đề là ở chỗ cần có kế hoạch làm và sử dụng đồ dùng dạy học một cách thường xuyên, tăng cường sáng kiến để các đồ dùng ấy ngày càng phát huy hiệu quả và sự hữu ích trong giảng dạy bộ môn Ngữ văn nói riêng cũng như các bộ môn khác trong nhà trường nói chung.

dạy bộ môn Ngữ văn nói chung và phần Tiếng Việt nói riêng. Tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các đồng nghiệp.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Sơn Đông, Ngày 17 tháng 05 năm 2007

Người thực hiện đề tài

Lê Thị Thanh Tâm

ý kiến đánh giá của Hội đồng khoa học Nhà trường

Ngàytháng.....năm 2007

ý kiến đánh giá của Hội đồng khoa học Phòng giáo dục Thị xã

Ngày.....tháng.....năm

2007